

Số: 00426/2024/KQTN/08 **PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** 18/06/2024

- 1 Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH ĐẠI HOA  
2 Địa chỉ : Thửa đất số 240, tờ bản đồ số 39, khu phố 7, phường Uyên Hưng, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương  
3 Ngày lấy mẫu : 11/06/2024  
4 Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ  
5 Loại mẫu : Nước thải  
6 Ký hiệu và mô tả mẫu : 240611.18NT1: Nước thải sau HTXL (X:106°46'32"; Y:11°4'25")  
7 Phương pháp lấy mẫu và bảo quản mẫu : TCVN 6663-1:2011 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 1: Hướng dẫn lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu.  
TCVN 5999:1995 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Hướng dẫn lấy mẫu nước thải  
TCVN 6663-3:2016 – Chất lượng nước. Hướng dẫn bảo quản và xử lý mẫu.  
TCVN 6663-14:2018 - Chất lượng nước. Lấy mẫu. phần 14: Hướng dẫn về đảm bảo và kiểm soát chất lượng nước được lấy mẫu và xử lý  
TCVN 8880:2011 – Chất lượng nước. Lấy mẫu để phân tích vi sinh vật.

8 Kết quả đo đạc, phân tích:

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT CỘT A	Phương pháp đo đạc, phân tích
			240611.18NT1		
1.	pH <sup>(1)</sup>	-	8,63	6 - 9	TCVN 6492:2011
2.	TSS <sup>(1)(a)</sup>	mg/L	7	50	TCVN 6625:2000
3.	COD <sup>(1)</sup>	mg/L	16	75	SMEWW 5220C:2023
4.	BOD <sub>5</sub> <sup>(1)</sup>	mg/L	8	30	TCVN 6001-1:2021
5.	Dầu mỡ khoáng <sup>(1)</sup>	mg/L	KPH MDL=1	5	SMEWW 5520B&F:2023
6.	Chất hoạt động bề mặt anion <sup>(1)</sup>	mg/L	KPH MDL=0,02	-	SMEWW 5540B&C:2023
7.	Tổng Coliform <sup>(1)</sup>	MPN /100mL	1,5x10 <sup>3</sup>	3.000	SMEWW 9221B:2023

Ghi chú: Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo;

- (1) Thông số được Bộ Tài nguyên và môi trường công nhận;
- (a) Thông số được Viện Công nhận Chất lượng Việt Nam công nhận;
- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về nước thải Công nghiệp;
- KPH: Không phát hiện MDL: Ngưỡng phát hiện

PHÒNG THỬ NGHIỆM



TRẦN THỊ THÙY NHUNG

GIÁM ĐỐC



CÔNG TY TNHH  
MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG  
SAO VIỆT  
TP. THUẬN AN - T. BÌNH DƯƠNG

NGUYỄN THỊ HUYỀN

Số: 00426/2024/KQTN/08

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

18/06/2024

- Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH ĐẠI HOA
- Địa chỉ : Thửa đất số 240, tờ bản đồ số 39, khu phố 7, phường Uyên Hưng, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
- Ngày lấy mẫu : 11/06/2024
- Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
- Loại mẫu : Khí thải
- Kết quả đo đạc, phân tích:

Vị trí đo	Toluene <sup>(2)</sup> (mg/Nm <sup>3</sup> )	Etyl acetate <sup>(2)</sup> (mg/Nm <sup>3</sup> )	n-Butyl acetate <sup>(2)</sup> (mg/Nm <sup>3</sup> )	Methyl acetate <sup>(3)</sup> (mg/Nm <sup>3</sup> )
Ống thải sau HTXL hơi dung môi 2 (X: 106°46'26"; Y: 11°4'22")	8,0	9,3	10,0	7,5
Ống thải sau HTXL hơi dung môi 3 (X: 106°46'24"; Y: 11°4'23")	6,8	12,9	11,1	8,5
Ống thải sau HTXL hơi dung môi 4 (X: 106°46'27"; Y: 11°4'22")	7,5	12,8	9,7	8,3
Ống thải sau HTXL hơi dung môi 5 (X: 106°46'25"; Y: 11°4'23")	6,5	9,4	10,4	7,4
Ống thải sau HTXL hơi dung môi 7 (X: 106°46'25"; Y: 11°4'23")	7,2	8,9	9,5	7,6
Ống thải sau HTXL hơi dung môi 12 (X: 106°46'31"; Y: 11°4'26")	7,9	11,8	10,6	7,4
Ống thải sau HTXL hơi dung môi 13 (X: 106°46'31"; Y: 11°4'27")	7,5	10,5	10,9	7,9
Ống thải sau HTXL hơi dung môi 14 (X: 106°46'32"; Y: 11°4'26")	6,1	11,9	10,5	8,5
Ống thải sau HTXL hơi dung môi 15 (X: 106°46'31"; Y: 11°4'25")	8,5	9,9	9,1	7,8
Ống thải sau HTXL hơi dung môi 17 (X: 106°46'30"; Y: 11°4'24")	8,5	10,1	10,3	8,4
Ống thải số 1 sau HTXL xưởng gia công đế (X: 106°46'26"; Y: 11°4'23")	10,1	11,3	9,2	8,3
<b>QCVN 20 :2009/BTNMT</b>	<b>≤ 750</b>	<b>≤ 1400</b>	<b>≤ 950</b>	<b>≤ 610</b>
Phương pháp đo đạc, lấy mẫu, phân tích	US EPA Method 0010	US EPA Method 18	US EPA Method 0010	US EPA Method 18

Ghi chú: Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo;

- <sup>(2)</sup> Thông số sử dụng nhà thầu phụ Vimcerts 117;

- <sup>(3)</sup> Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ Vimcerts 292;

- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về khí thải Công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

PHÒNG THỬ NGHIỆM

  
TRẦN THỊ THÙY NHUNG

  
GIÁM ĐỐC  
NGUYỄN THỊ HUYỀN